

Số: 433/2024/QĐST-HNGĐ

Quận G, ngày 09 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 239/2024/HNST ngày 22 tháng 04 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Bà Nguyễn Thị Thu C, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số A, đường G, tổ A, phường T, Quận G, TP .

- Ông Lê Thành M, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số D, H, phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thu C và ông Lê Thành M sau một thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2020, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 33, do Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/05/2020).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do thường xuyên cãi nhau, không cùng quan điểm sống, không còn tình cảm. Cả hai đã cùng nhau khắc phục nhưng không có kết quả, mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và sống ly thân từ năm 2022.

Hiện nay, bà Nguyễn Thị Thu C và ông Lê Thành Minh xác n tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Nguyễn Thị Thu C và ông Lê Thành M cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu C và ông Lê Thành M có một con chung. Họ tên là: Lê Nguyễn Anh T (N), sinh ngày 28/05/2020.

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Thu C sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Lê Nguyễn Anh T (N), sinh ngày 28/5/2020. Ông Lê Thành M không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu C và ông Lê Thành M tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu C và ông Lê Thành Minh xác n không có nợ chung.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị Thu C và ông Lê Thành M phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu C và ông Lê Thành M thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 33, do Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/5/2020 không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu C và ông Lê Thành M có 01 con chung. Họ tên là: Lê Nguyễn Anh T (N), sinh ngày 28/05/2020.

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Thu C sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Lê Nguyễn Anh T. Ông Lê Thành M không cấp dưỡng.

Ông Lê Thành M được quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Cả hai cam kết tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu C và ông Lê Thành M phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số 0019091 ngày 22/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy bà Nguyễn Thị Thu C và ông Lê Thành M đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.7, TP HCM;
- C/c THADS Q.7, TP HCM;
- C/ q đã thực hiện việc Đ KKH;
- Lưu hồ sơ vụ án (V.Phương).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy